TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 536/2020/DS-PT
Ngày 20 - 10 - 2020
V/v: "*Tranh chấp về thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Trí Tuấn

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/TLPT - DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp về thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1660/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1047/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương H, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: 463B/57 Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1959 (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: 104, tổ 10, khu phố 1, Nguyễn Thành Vĩnh, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972

Địa chỉ: 138N/2, khu phố 1, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Sy, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3.5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Lunder td Puracd 4077 QLA Australia.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Phương B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 20/4 ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Nguyễn Phương B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 20/4 ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 13 ấp 8, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 146/6C ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Bà Trần Thị Sang, sinh năm 1959.

3.10. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1990.

3.11. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do có kháng cáo của: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông Nguyễn NGọc T, ông Nguyễn Ngọc H2 và ông Nguyễn Ngọc L (do bà Nguyễn Thị Hồng N làm đại diện theo ủy quyền) và bị đơn ông Nguyễn Ngọc H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Ký (đã chết năm 1990) và bà Phạm Thị P (đã chết năm 2006). Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị K có tất cả 08 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Đình L, chết năm 1972 không có vợ con

2. Bà Nguyễn Thị D, chết năm 1955, chết năm 2008. Bà D có chồng là ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1955, đã ly hôn theo Bản án số 80/HNST ngày 25/8/2004. Bà Dung và ông Ngon có tất cả 07 người con gồm: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phương B, Nguyễn Minh P.

3. Ông Nguyễn Dương D, sinh năm 1956, chết năm 2006 không có vợ con.

4. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1957, chết năm 1980 không có vợ con.

5. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1959

6. Bà Nguyễn Thị Hương H, sinh năm 1961

7. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1963

8. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966

Trước khi chết cha mẹ bà có tạo dựng được căn nhà và đất tại địa chỉ số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp Giấy chứng nhận số 3092 ngày 10/12/2003 (địa chỉ cũ là 521/129B đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Thành phố Hồ Chí Minh). Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Ký đã chết năm 1990 bà Phạm Thị P chết năm 2006. Nay căn cứ Bộ luật dân sự 2015 có quy định mới về thời hiệu chia thừa kế, bà yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cha mẹ bà để lại là nhà đất tại địa chỉ số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện trạng căn nhà không có gì thay đổi so với trước đây. Bà đồng ý với biên bản định giá ngày 17/7/2013, không yêu cầu định giá lại. Theo biên bản định giá giá trị căn nhà là 1.912.386.600 đồng, bà yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà tương đương 382.477.320 đồng.

Trước đây ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Kim C có yêu cầu đề nghị thanh toán phần sữa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà Nng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nay bà vẫn giữa nguyên ý kiến N phiên tòa sơ thẩm trước đây là hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Kim C 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Hương H không đồng ý với tờ di chúc ngày 13/5/1996 do ông Nguyễn Hữu Phúc cung cấp vì tờ di chúc này không hợp lệ, không được công chứng chứng thực theo quy định, đề nghị không công nhận tờ di chúc này.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị P, cha mẹ ông có 08 người con. Các ông Nguyễn Đình Liệu, Nguyễn Dương D, Nguyễn Tấn H đã chết và đều không có vợ con đúng như nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H trình bày. Bà Nguyễn Thị D có chồng là ông Nguyễn Văn N và có 07 người con Nng ông không nhớ rõ tên. Căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ ông chết để lại. Cha ông chết năm 1990 không để lại di chúc, mẹ ông chết năm 2006 có để lại di chúc, viết tay năm 1996, không có công chứng vì lúc đó nhà chưa có giấy tờ, ông cũng không biết mẹ ông nhờ ai viết mà không có người làm chứng, mẹ ông đưa trực tiếp cho ông Nguyễn Đình P và dặn sau này sẽ giao nhà cho 03 anh em ông là Nguyễn Đình P, Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Thị Kim C cùng ở để thờ cúng, không được bán.

Căn nhà này trước đây anh em ông đều ở chung, gồm ông, gia đình ông Phúc và vợ chồng các con của bà C, Nng hiện nay chỉ có ông và gia đình ông Nguyễn Đình P gồm vợ là bà Trần Thị Sang và 02 con là Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Thành Phát quản lý sử dụng. Nhà không cầm cố, thế chấp, không cho ai thuê, giấy tờ nhà bản chính hiện ông đang giữ. Năm 2000, ông, ông P và bà C có bỏ tiền ra sữa chữa nhà, cụ thể là xâu tường mới, nâng nền, lợp tôn, số

tiền bao nhiêu ông không nhớ. Lúc này mẹ ông là cụ Phớt vẫn còn sống. Đồng hồ điện nước là do ông và ông P bỏ tiền ra làm Nng bao nhiêu thì ông không nhớ. Tháng 1/2011 ông và ông P bỏ tiền ra làm mới lại phần cửa ra vào với số tiền 8.000.000 triệu đồng.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương H.

Bị đơn ông Nguyễn Đình P trình bày: Ông thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông Nguyễn Hữu Đ và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông không có khả năng thanh toán tiền lại cho các đồng thừa kế. Ngoài ra trước khi chết mẹ ông có viết di chúc để nhà cho 03 người con gồm ông, ông Đ và bà C cho việc thờ cúng. Ông xác định tờ di chúc viết tay, không công chứng được vì chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, không biết ai viết giúp vụ Phớt và đưa trực tiếp cho ông. Nay ông không đồng ý bán nhà để chia thừa kế vì không có tiền chia cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà xác định cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn K và cụ Phạm Thị P, cha mẹ bà có 08 người con. Các ông Nguyễn Đình L, Nguyễn Dương D, Nguyễn Tấn H đã chết và đều không có vợ con đúng N nguyên đơn trình bày. Cha mẹ bà chết có để lại căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có di chúc hay không có di chúc bà không biết. Khi mẹ bà còn sống vào năm 2000 đến năm 2004 bà có bỏ ra số tiền 4.000.000 đồng để sữa chữa căn nhà.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày: Căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Văn K (chết năm 1990) và cụ Phạm Thị P chết năm 2006 để lại. Bà ở căn nhà này từ trên ba mươi năm nay. Từ khi ở trong căn nhà này bà và ông P có bỏ 4.000.000 đồng để xây phòng lại để ở, bà không yêu cầu giải quyết số tiền này. Bà thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Đình P, không đồng ý bán nhà chia thừa kế vì gia đình bà không còn nhà nào khác để ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị S. Căn nhà 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông bà nội bà là cụ Nguyễn Văn K và cụ Phạm Thị P. Bà ở trong căn nhà này từ lúc sinh ra cho tới nay, bà không bỏ ra sửa chữa căn nhà. Bà thống nhất với ý kiến của ông P và bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phương B, Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Mẹ các ông bà là bà Nguyễn Thị D đã chết năm 2008, bà D là con của ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị P đã chết năm 2008, cha ông là ông Nguyễn Văn N. Cha mẹ các ông bà đã ly hôn. Cha mẹ ông bà có tất cả 07 người con gồm: Nguyễn Văn H2; Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1; Nguyễn Thị T; Nguyễn Minh P; Nguyễn Phương B; Nguyễn Thị Hồng N.

Nay bà Nguyễn Thị Hương H khởi kiện chia thừa kế căn nhà 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh các ông bà đề nghị được hưởng phần thừa kế do ông bà ngoại để lại.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm bằng Bản án số 1463/2014/DSST ngày 17/12/2014.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 12/2016/DS-ST ngày 18/01/2016, quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 1463/2014/DSST ngày 17/12/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án vào ngày 10/5/2016.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1660/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 85, 203, 235, 266, 267, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 623, 651, 636 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 05/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H.

- Xác định căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản cụ Nguyễn Văn K chết năm 1990 và cụ Phạm Thị P chết năm 2006 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3092/03 ngày 10/12/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp cho ông Nguyễn Văn K, chết năm 1990 và cụ Phạm Thị P, sinh năm 1927, chết năm 2006. Tổng diện tích sử dụng: 54,9m2, diện tích xây dựng: 54,9m2, kết cấu tường gạch mái tôn, số tầng: 01 và thực trạng đất ở: Thửa đất số: 155, tờ bản đồ số 23, Phường 13, Quận 10, diện tích: 54,9m2, hình thức sử dụng: Riêng: 54,9m2 và Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở ngày 08/7/2014 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 kiểm tra nội nghiệp ngày 27/6/2014).

- Xác định các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Văn K, cụ Phạm Thị P gồm bà Nguyễn Thị Hương H, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị D (các ông bà Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn P B, Nguyễn Minh P và Nguyễn Thị Hồng N).

- Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng 01 suất thừa kế cho công sức gìn giữ và tôn tạo giá trị của di sản.

Các ông bà Nguyễn Thị Hương H, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đình P, Nguyễn Thị Kim C, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị D (ông Nguyễn Văn Hòa, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn P

B, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Hồng N) mỗi người được hưởng 1/6 giá trị căn nhà.

- Giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc đấu giá, phát mãi căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đã trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại được chia theo tỷ lệ N đã quy định tại điểm 1.2 và 1.3 của phần Quyết định trong bản án này.

- Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hương H chi phí đo đạc là 700.000 (bảy trăm ngàn đồng); các ông bà Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn P B, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Hồng N mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hương H 100.000 (một trăm ngàn đồng). Thi hành khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2019, bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận di chúc lập ngày 13/5/1996 của mẹ hai ông - bà Phạm Thị R là không có cơ sở. Di chúc của mẹ hai ông là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 628 Bộ luật dân sự năm 2015, di chúc này hợp pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 4, Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh di chúc này là bất hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Kim C không thừa nhận nội dung di chúc nên không công nhận di chúc này là di chúc hợp pháp. Đó là nhận định chủ quan vì di chúc được công nhận hay không là do quy định của pháp luật, hoàn toàn không phụ thuộc vào việc công nhận hay không của các người thừa kế. Trách nhiệm chứng minh di chúc là không hợp pháp thuộc về nguyên đơn trong vụ án này.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm Nng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1660/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P, thấy rằng: Căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn K (chết năm 1990) và bà Phạm Thị Phớt (chết năm 2006) để lại, đã được Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp Giấy chứng nhận số 3092/03 ngày 10/12/2003 (bản chính do ông Đ giữ).

[2.1] Bị đơn ông Nguyễn Đình P cho rằng nhà – đất này cụ Phớt đã để lại cho ông, ông Đ và ông D (theo tờ di chúc ngày 13/5/1996). Tuy nhiên, tờ di chúc này không được sự xác nhận của cơ quan công chứng, do vậy hình thức của di chúc này không hợp pháp theo quy định tại Điều 636 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký của cụ P trong tờ di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế hợp pháp của cụ K và cụ P còn lại thì không thừa nhận tờ di chúc này là hợp pháp. Do đó, căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự về tính hợp pháp của di chúc, hội đồng xét xử không công nhận di chúc do cụ Phạm Thị P lập ngày 13/5/1996 là hợp pháp.

[2.2] Các đồng thừa kế theo pháp luật gồm:

- Nguyễn Đình L, sinh năm 1954, chết năm 1972 (không có vợ con);

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955, chết năm 2008. Bà D có chồng là ông Nguyễn Văn N đã ly hôn và 07 người con gồm: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương B, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Hồng N;

- Ông Nguyễn Dương D, sinh năm 1956, chết năm 2006 (không có vợ con);

- Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1957, chết năm 1980 (không có vợ con);

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1959;

- Bà Nguyễn Thị Hương H, sinh năm 1961;

- Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1963;

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1966

Do ông Nguyễn Dương D chết năm 2006 và không có vợ con nên theo quy định của Bộ luật dân sự phần tài sản mà ông Dũng được hưởng từ di sản thừa kế được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai.

Về trường hợp thừa kế của bà Nguyễn Thị D chết năm 2008, có chồng là ông Nguyễn Văn Ngon đã ly hôn theo Bản án số 80/HNST ngày 25/8/2004 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, phần tài sản của bà Nguyễn Thị D được hưởng từ di sản thừa kế của cụ K và cụ P trở thành di sản thừa kế của các con bà D theo Điều 652 Bộ luật dân sự (người thừa kế thế vị gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương B, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Hồng N).

[2.3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 616, 618 Bộ luật dân sự 2015, vận dụng Án lệ 05/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao các ông Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng 01 suất thừa kế cho công sức gìn giữ và tôn tạo giá trị của di sản là đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H về chia di sản thừa kế căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh do cụ Nguyễn Văn K và cụ Phạm Thị P để lại thành 6 phần gồm bà Nguyễn Thị Hương H 1/6; Ông Nguyễn Hữu Đ 1/6; Ông Nguyễn Đình P 1/6, bà Nguyễn Thị Kim C 1/6 và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị D (các ông bà ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phương B, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Hồng N) 1/6; Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C cùng được hưởng hưởng 1/6 suất thừa kế cho công sức gìn giữ và tôn tạo giá trị của di sản.

Giao cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ nhà đất tại số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số 3092/03 ngày 10/12/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp để thi hành án, đối với số tiền phát mãi tài sản sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền thu được do phát mãi tài sản trên còn lại được chia cho các ông bà nêu trên là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm N đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[13] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các đương sự có yêu cầu kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1660/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều 623, 651, 636 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Án lệ số 05/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương H.

1.1. Xác định căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản cụ Nguyễn Văn K chết năm 1990 và cụ Phạm Thị P chết năm 2006 (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3092/03 ngày 10/12/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp cho ông Nguyễn Văn K, chết năm 1990 và cụ Phạm Thị P, sinh năm 1927, chết năm 2006. Tổng diện tích sử dụng: 54,9m2, diện tích xây dựng: 54,9m2, kết cấu tường gạch mái tôn, số tầng: 01 và thực trạng đất ở: Thửa đất số: 155, tờ bản đồ số 23, Phường 13, Quận 10, diện tích: 54,9m2, hình thức sử dụng: Riêng: 54,9m2 và Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở ngày 08/7/2014 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 kiểm tra nội nghiệp ngày 27/6/2014).

1.2. Xác định các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Văn K, cụ Phạm Thị P gồm bà Nguyễn Thị Hương H, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị D (các ông bà Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương B, Nguyễn Minh P và Nguyễn Thị Hồng N).

1.3. Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng 01 suất thừa kế cho công sức gìn giữ và tôn tạo giá trị của di sản.

Các ông bà Nguyễn Thị Hương H, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Đình P, Nguyễn Thị Kim C, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị D (ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phương B, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Hồng N) mỗi người được hưởng 1/6 giá trị căn nhà.

2. Giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc đấu giá, phát mãi căn nhà số 131/71 đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đã trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại được chia theo tỷ lệ như đã quy định tại điểm 1.2 và 1.3 của phần Quyết định trong bản án này.

3. Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hương H chi phí đo đạc là 700.000

(bảy trăm nghìn đồng); các ông bà Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương B, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Hồng N mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hương H 100.000 (một trăm nghìn đồng). Thi hành khi bản án có hiệu lực.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị Hương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.936.555 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 026627 ngày 01/11/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 và biên lai thu tiền số 0044162 ngày 04/4/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hương H còn phải nộp 6.374.622 đồng (sáu triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng).

4.2. Ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người phải án phí dân sự sơ thẩm là 20.998.992 (hai mươi triệu chín trăm chín mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

4.3. Bà Nguyễn Thị Kim C được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định.

4.4. Ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phương B, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Hồng N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.276.650 (hai triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Đình P phải chịu mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0046052 và số AA/2017/0046053 cùng ngày 18/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh